

Bản án số: **101/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 12-9-2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sơn

2. Bà Đoàn Lệ Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 382/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Ấp PT, xã BK, huyện M, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: Ấp AB, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp PT, xã BK, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả các đương sự được triệu tập đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2022; Bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau, chị và anh Nguyễn Thế B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BKĐ (nay là xã BK), huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày

20/3/2012. Sau khi kết hôn, anh chị sống bên gia đình chị, sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, anh B ghen tuông vô cớ, đánh chị và chị có báo chính quyền địa phương. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị có tạo điều kiện hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 19/7/2014 và Nguyễn Thảo Nh1, sinh ngày 28/3/2020, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Chị đang làm thợ may, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Anh B hiện làm thợ sửa máy, ai kêu thì làm, thu nhập không ổn định, có tháng trên 10.000.000 (Mười triệu) đồng, cũng có tháng khoảng 6.000.000 (Sáu triệu) đồng đến 7.000.000 (Bảy triệu) đồng.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Chị rút toàn bộ phần yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết do anh chị đã tự thỏa thuận xong.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có nợ ai.

Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 03/8/2022; Bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn anh Nguyễn Thế B trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất phần trình bày của chị L về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do chị L có quan hệ với người đàn ông khác, cụ thể là thầy giáo của con gái anh chị, hai bên nhắn tin qua lại, chị L giấu anh. Tuy nhiên, đến ngày 16/6/2022, sau khi anh chị đi nhậu về, chị L nhắn tin với người đàn ông này, không cho anh xem nên anh có đánh chị L bị chấn thương phần mềm và sau đó cha mẹ vợ đuổi anh ra khỏi nhà. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh và gia đình anh có tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không thành do chị L và gia đình chị L không đồng ý. Nay anh vẫn còn thương chị L nhưng do chị L đã cương quyết ly hôn nên anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 19/7/2014 và Nguyễn Thảo Nh1, sinh ngày 28/3/2020, hiện đang sống với chị L. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Nh, giao cháu Nh1 cho chị L nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa giao hai con cho chị L trực tiếp nuôi, anh không đồng ý cấp

dưỡng nuôi hai con chung vì không muốn qua lại với chị L cũng như sẽ không đến thăm con. Anh hiện làm thợ sửa máy, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 5.000.000 (Năm triệu) đồng đến 6.000.000 (Sáu triệu) đồng, có tháng nhiều khoảng 9.000.000 (Chín triệu) đồng. Trong thời gian chị L trực tiếp nuôi các con do được sự hỗ trợ của gia đình chị L nên các con đều phát triển tốt.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Anh rút toàn bộ yêu cầu phản tố về phân tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết do anh và chị L đã tự thỏa thuận xong.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có nợ ai.

Tại biên bản lấy ý kiến đề ngày 09/8/2022, cháu Nguyễn Thảo Nh trình bày như sau:

Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Theo cháu, mẹ có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất và tinh thần cho cháu.

Tại Biên bản xác minh đối với bà Trần Thanh Th đề ngày 09/8/2022 về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Thế B có nội dung như sau:

Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Thế B. Anh B và chị L sau khi đám cưới sống bên gia đình chị L. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh B nghi ngờ chị L có quan hệ với người đàn ông khác nên anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh B có đánh chị L và gia đình chị L đuổi anh B ra khỏi nhà. Anh chị chính thức sống ly thân từ ngày 18/5/2022 (AL) cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Thế B. Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Thế B được ly hôn với nhau. Về con chung: Chị L tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 19/7/2014 và Nguyễn Thảo Nh1, sinh ngày 28/3/2020 và anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu Nh1, mỗi cháu 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu Nh, cháu Nh1 tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị L đối với phần chia tài sản chung và đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn

Thế B, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Thế B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo chị L trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, anh B ghen tuông vô cớ, đánh chị và chị có báo chính quyền địa phương. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh B do không còn tình cảm. Theo anh B trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do chị L có quan hệ với người đàn ông khác, cụ thể là thầy giáo của con gái anh chị, hai bên nhắn tin qua lại, chị L giấu anh. Tuy nhiên, đến ngày 16/6/2022, sau khi anh chị có đi nhậu về, chị L nhắn tin với người đàn ông này, không cho anh xem nên anh có đánh chị L bị chấn thương phần mềm và sau đó cha mẹ chị L đuổi anh đi ra khỏi nhà. Anh vẫn còn thương chị L nhưng do chị L cương quyết ly hôn nên anh đồng ý. Xét thấy, chị L và anh B đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung nhưng chỉ vì những mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, anh chị không tìm giải pháp hàn gắn mà lại sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, anh chị có tạo điều kiện hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tại phiên tòa chị L, anh B đều thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị L và anh B là phù hợp.

[2] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 19/7/2014 và Nguyễn Thảo Nh1, sinh ngày 28/3/2020, đang sống với chị L. Chị L và anh B thống nhất giao cháu Nh1 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi sau khi anh chị ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Tuy nhiên, anh B và chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nh. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 09/8/2022, cháu Nh trình bày nếu cha và mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Ngoài ra, chị L có cung cấp cho Tòa “Giấy xác nhận” đề ngày 11/8/2022 của chủ cơ sở may tại xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre xác định chị L đang làm việc tại cơ sở và có thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 5.000.000 (Năm triệu) đồng nên đảm bảo điều kiện vật chất trực tiếp

nuôi các con. Tại phiên tòa, anh B cũng thừa nhận trong thời gian chị L trực tiếp nuôi các con đảm bảo cho các con được phát triển tốt. Vì vậy, giao cháu Nh và cháu Nh1 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu Nh. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, chị L yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu Nh1, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng và anh B không đồng ý cấp dưỡng do không muốn sau khi ly hôn có quan hệ qua lại với gia đình chị L. Xét thấy, đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật thì sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chưa thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con đồng thời là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con đối với con chưa thành niên. Nên để nhằm đảm bảo quyền lợi cho cháu Nh, cháu Nh1 cần chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu Nh1. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng theo mức sống trung bình tại địa phương. Ngoài ra, theo quy định pháp luật mức cấp dưỡng nuôi con là không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu. Biết rằng mức lương tối thiểu do Chính phủ qui định tại thời điểm xét xử là 1.490.000 đồng. Anh B cho rằng anh hiện làm thợ sửa máy thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 5.000.000 (Năm triệu) đồng đến 6.000.000 (Sáu triệu) đồng, chị L cho rằng anh B có thu nhập hàng tháng trên 10.000.000 (Mười triệu) đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên việc chị L yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu Nh1, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng là khá cao, không phù hợp với khả năng thực tế của anh B. Vì vậy, buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu Nh1, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nh, cháu Nh1 tròn 18 tuổi là phù hợp luật định, phù hợp với khả năng của anh B và đảm bảo đủ điều kiện vật chất cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu Nh, cháu Nh1 đồng thời cũng nâng cao quyền và nghĩa vụ đối với con chung của người không trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản:*

Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị Kim L rút yêu cầu chia tài sản chung, anh Nguyễn Thế B rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của chị L, anh B là phù hợp. Tài sản chung, anh chị thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Nguyễn Thế B phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] *Về chi phí tố tụng khác*: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản với số tiền 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng và đã nộp xong.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Thế B.

Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Thế B được ly hôn với nhau.

2. *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Kim L tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 19/7/2014 và Nguyễn Thảo Nh1, sinh ngày 28/3/2020; Anh Nguyễn Thế B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nh, cháu Nh1, mỗi cháu 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu Nh, cháu Nh1 tròn 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp 01 lần. Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu Nh, cháu Nh1 tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị L, anh B, Toà án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản:

3.1. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị L đối với phần chia tài sản chung và đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Thế B. Tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3.2. Về nợ chung: Anh chị thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày ***/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên không phải nộp thêm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 (Một triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ***** ngày ***/**** của Chi cục Thi hành án dân sự M.

Anh Nguyễn Thế B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 788.000 (Bảy trăm tám mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ***** ngày ***/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên hoàn trả cho anh B số tiền 488.000 (Bốn trăm tám mươi tám nghìn) đồng theo biên lai nêu trên.

5. Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản số tiền 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng và đã nộp xong.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (18, 20/3/2012) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang